

Số: 96 /2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 08 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 131/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 07 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Á, sinh ngày 03/09/1984. Số căn cước 046184001421, cấp ngày 19/9/2024.

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn*: Anh Vũ Văn B, sinh ngày 01/01/1977; Số căn cước công dân 062077004814, cấp ngày 27/12/2021.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 07 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 07 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Á và anh Vũ Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Á và anh Vũ Văn B thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Ghi nhận thoả thuận giao con chung cháu Vũ Văn H, sinh ngày 01/10/2008 và Vũ Thị Bích N, sinh ngày 31/03/2011 cho chị Nguyễn Thị Á được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên đủ 18 tuổi và có đủ khả năng sống lao động, tự lập được.

Anh Vũ Văn B không phải cấp dưỡng nuôi các con chung nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Khi cần thiết, vì lợi ích con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Á và anh Vũ Văn B mỗi người phải nộp 75.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Á tự nguyện nộp thay tiền án phí cho anh Vũ Văn B, tổng số tiền án phí chị Nguyễn Thị Á phải nộp là 150.000^d (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003362 ngày 30/06/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Á số tiền 150.000^d (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí còn thừa theo biên lai thu tiền nói trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 9- Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 9- Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trịnh Thị Bình Thanh